

QUAN HỆ GIỮA ĐẠI VIỆT VỚI CHĂMPA THỜI TRẦN (THẾ KỶ XIII-XIV)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Chămpa còn có những tên gọi khác là Chiêm Thành, Chiêm. Sử cũ thường gọi là Chiêm Thành. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, nước nhỏ thường thần phục nước lớn hơn. Đại Việt và Chămpa cũng vậy, Chămpa chịu sự thần phục Đại Việt và thường mang sản vật tiến cống.

Ngay từ khi triều Trần mới được thiết lập, mặc dù Chămpa vẫn thần phục Đại Việt, vẫn tiến cống nhưng lại vẫn sang cướp phá đòi lại đất cũ đã mất từ thời Lý. Điều đó khiến cho vị vua đầu triều Trần - Trần Thái Tông rất tức giận. Năm Nhâm Tý (1252) vua tự làm tướng cầm quân tiến đánh Chiêm Thành và giành thắng lợi, bắt được vợ vua nước Chiêm là Bồ Da La và các thần thiếp cùng nhân dân rất nhiều. Và từ đó, những cuộc gây rối của Chămpa đã nhường chỗ cho những chuyến triều cống thường xuyên.

Sử cũ ghi chép khá nhiều sự kiện tiến cống của Chămpa cho Đại Việt. Cống phẩm của Chămpa phần lớn là voi trắng, sư tử, ngoài ra còn có hoa bằng vàng, trân châu và các sản vật địa phương. Những

phái đoàn và cống phẩm "triều cống" của Chămpa đến Đại Việt thời Trần được chúng tôi thống kê ở bảng 1 dưới đây theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*⁽¹⁾.

Nhưng sự hiện diện của đế chế phương Bắc đã có tác động đến quan hệ giữa hai nước Đại Việt và Chămpa. Nhân dân hai nước trước sức tấn công, xâm lược của đế chế Nguyên đã sát cánh cùng nhau chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập của đất nước. Đầu năm 1280, để chuẩn bị xâm lược Đại Việt lần thứ hai, trong chiến lược của vua Nguyên, đánh chiếm Chămpa làm gọng kìm tấn công Đại Việt từ phía Nam. Hốt Tất Liệt đã sai Tả thừa Toa Đô đi chiêu dụ Chiêm Thành và các nước hải đảo. Để mong giữ vững hòa bình, tháng 3-1280, vua Chiêm sai sứ cống các phương vật nhưng đến tháng 12 -1280, vua Nguyên lại sai Giáo Hóa Địch, Mạnh Khánh Nguyên sang dụ vua nước Chămpa cho con em hoặc đại thần sang châu. Tiến thêm một bước, năm 1281, vua Nguyên lập Hành trung thư tỉnh Chămpa. Cử Toa Đô là Hữu thừa, Lưu Thâm làm Tả thừa và huy động 100 thuyền biển, một vạn quân cũ mới và thủy thủ, chuẩn bị cho

* TS. Nguyễn Thị Phương Chi, Viện Sử học

Bảng 1

STT	Năm	Thời gian	Người dân đầu	Cống phàm	Số lượng
1	1242	Mùa Đông, tháng 10	?	?	?
2	1262	?	?	?	?
3	1265	?	?	?	?
4	1266	Mùa Xuân, tháng Giêng	Bố Tinh, Bố Hoàng, Bố Đột	?	?
5	1267	Mùa Xuân, tháng 2	?	?	?
6	1269	Mùa Xuân, tháng 2	?	Dâng voi trắng	?
7	1270	Mùa Hạ, Tháng 4	?	?	?
8	1279	?	Chế Năng, Chế Diệp, Bố Bà La.	Dâng voi trắng	?
9	1282	Mùa Xuân, tháng 2	Bố Bà La và một trăm người	Dâng voi trắng	?
10	1293	?	?	?	?
11	1301	?	?	?	?
12	1305	Tháng 2	Chế Bồ Đài	1. Dâng vàng bạc, 2. Hương quý, 3. Vật lạ.	?
13	1307	?	Bảo Lộc	Dâng voi trắng	?
14	1346	Tháng 10	?	?	Rất ít
15	1352	Mùa Xuân, tháng 3	Chế Nỗ	Dâng: 1. Voi trắng, 2. ngựa trắng, 3. Kiến lớn, 4. Các cống vật khác.	1;1;1; Không rõ

cuộc chinh phạt các nước hải đảo vào năm 1282. Vua Nguyên còn yêu cầu Chiêm Thành cung cấp quân đội và lương thực cho đội quân này, đồng thời vua Nguyên cũng yêu cầu Đại Việt cấp quân và lương cho Hành tỉnh Chăm-pa. Nhưng, Đại Việt đã phản kháng và Chăm-pa cũng vậy. Năm 1282, Chiêm Thành tiến hành bắt giữ thuyền các sứ bộ nhà Nguyên đi Xiêm và Mã-ba-r. Sự việc này trở thành lý do, Hốt Tất Liệt rất tức giận, liền sai Toa Đô tiến đánh Chiêm Thành. Trước khi xuất quân, Hốt Tất Liệt sai sứ sang Đại Việt yêu cầu mượn đường tiến quân, giúp quân và

lương thực. Nhưng vua Trần Nhân Tông đã cự tuyệt nên quân Toa Đô phải đi theo đường biển. Cuối năm 1282, đội quân Toa Đô gồm 5.000 quân, 100 thuyền biển, 250 thuyền chiến xuất phát từ Quảng Châu tiến thẳng đến cảng Thanh Chiêm (tức cửa Quy Nhơn). Quân Chiêm Thành do vua Indravarman huy động nhân dân dựng thành gỗ, bốn mặt khoảng 20 dặm, đặt hơn 300 cỗ súng hồi hồi ba ngòi, phía Tây thành gỗ chừng 10 dặm lại dựng hành cung. Vua Chiêm đóng quân ở đó để kịp ứng viện. Toa Đô bảy lần cử sứ giả đến chiêu dụ vua Chiêm nhưng vua Chiêm

kiên quyết không đầu hàng. Toa Đô còn nhờ sứ Chân Lạp là Tốc Lỗ Man (Sulaymân) cùng với sứ Nguyên đến dụ lần nữa nhưng vua Chiêm trả lời trong thư hẹn ngày quyết đánh. Nửa đêm ngày 13 - 2 - 1283, mở màn trận tấn công quân Chiêm. Kết quả, ngày 19-3-1283, sau trận đánh lớn xảy ra cách thành gỗ của nước Chiêm 20 dặm quân Toa Đô thất bại nặng nề, phải liều chết mới thoát được vòng vây, chạy về doanh trại⁽²⁾.

Trước tình thế nguy nan, Hốt Tất Liệt sai Kinh hồ hành tĩnh là A Lý Hải Nha tiếp tục yêu cầu Đại Việt cho mượn đường tiến quân và cung cấp lương thực và quân đội cho quân Nguyên. Nhưng Đại Việt đã kiên quyết từ chối vì rằng Chiêm Thành trong quan hệ với Đại Việt đang tốt đẹp, không có lý do gì để giúp quân Nguyên tiến đánh. Những lý do từ chối của vua Trần tỏ rõ sự cương quyết. Trong thư của vua Trần có đoạn: “Chiêm Thành thờ tiểu quốc đã lâu ngày, cha tôi lấy đức mà vỗ về, đến chúng tôi cũng nối chí cha. Từ khi cha tôi quy thuận thiên triều kể đã 30 năm, giáo gươm không dùng đến nữa, quân lính đổi làm dân đình... Còn việc giúp lương, nước tôi ở địa thế gần biển, ngũ cốc sinh sản không nhiều. Từ ngày đại quân đi rồi (tức quân Mông Cổ xâm lược nước ta lần thứ nhất- TG.chú), trăm họ lưu vong, lại thêm lụt lội, hạn hán, sáng no, chiều đói, ngày chạy ăn không kịp...”⁽³⁾. Quyết định của triều đình Thăng Long không giúp quân, lương cho quân Nguyên thể hiện hành động cùng vai sát cánh, hỗ trợ cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên của nhân dân Chăm-pa. Do không tiến quân theo đường bộ lại gặp những bất trắc trong nước. Đội quân tiếp viện mãi đến ngày 2-4- 1284, Hốt Đô Hổ và Ô Mã Nhi

mới đem 2 vạn quân và binh thuyền đi Chiêm Thành, nhưng khi tới cảng Thu Mi Liên (cửa Thi Nại) thì doanh trại của Toa Đô đã cháy rụi, hóa ra quân Toa Đô đã rút lui. Trong khi đó, quân Toa Đô đã lui về phía Bắc chiếm lấy đất Ô- Lý, Việt Lý gần Đại Việt đóng quân, cho binh sĩ cày ruộng, tích trữ lương thực nuôi ý đồ tạo thành một gọng kìm tấn công Đại Việt từ phía Nam. Nêu ra sự kiện đó để thấy được tình hữu hảo, cùng vai sát cánh giữa hai nước Đại Việt và Chăm-pa trong thời kỳ này.

Từ năm Giáp Thân (1284) đến năm Mậu Tý (1288), ba nước Đại Việt, Chăm-pa, Chân Lạp đều bị lôi cuốn vào cuộc xâm lược của quân Mông- Nguyên nên việc bang giao giữa hai nước Đại Việt - Chăm-pa tập trung vào cuộc kháng chiến.

Năm 1285, Jaya Simhavarman III (tức Chế Mân) lên nối ngôi, Chế Mân tỏ thái độ cương quyết chống quân Mông - Nguyên. Nhưng Chế Mân là ông vua khá đa tình. Năm 1301 Thượng hoàng Trần Nhân Tông rời Yên Tử đi chơi các địa phương trong đó có Chăm-pa. Trong dịp này, Thượng hoàng hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân và Chế Mân đã nhận lời và đòi cưới Huyền Trân công chúa bằng được. Ông đã dâng nhiều sính lễ, trong đó có vùng đất thuộc hai châu Ô, Lý. Sử chép: tháng 2- 1305 “Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người đem vàng bạc, hương quý, vật lạ để dâng làm lễ vật cầu hôn. Các quan triều đều cho là không nên, duy có Văn Túc vương Đạo Tái chủ trương là nên và Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết”⁽⁴⁾.

Năm 1306, hai châu Ô, Lý của Chăm-pa đã thuộc về Đại Việt. Bằng chính sách hữu hảo với Chăm-pa của vua Trần Nhân Tông mà lãnh thổ Đại Việt được mở rộng

bằng con đường hòa bình với sính lễ hai châu. Năm 1307, nhà Trần đổi hai châu Ô, Lý thành châu Thuận và châu Hóa (tức vùng đất phía Nam tỉnh Quảng Trị đến Bắc tỉnh Quảng Nam ngày nay). Nhưng chẳng được bao lâu sau sự kiện đó thì Chế Mân qua đời (1307), con trai là Chế Chí lên nối ngôi.

Ngay khi nghe tin hai châu ấy đã mất về Đại Việt, dân ở La Thủy, Tác Hồng, Đà Bông phản đối gay gắt. Vua Trần Anh Tông sai Đoàn Nhữ Hài đi an ủi họ rồi chọn người tài giỏi ở trong những làng đó làm quan, cấp cho ruộng đất và tha thuế ba năm. Nhưng điều đó vẫn không làm cho dân chúng ở đó nguôi ngoai. Họ tiếp tục nổi loạn đòi lấy lại hai châu đã mất. Tháng 12 năm 1311, đích thân vua Trần Anh Tông cầm quân đi đánh Chiêm Thành vì vua nước ấy làm phản. Đến tháng 5 năm 1312, bắt được vua Chế Chí đem về Đại Việt. Trận này vua quan Đại Việt thực hiện đúng mưu kế nên “không mất một mũi tên mà bình được Chiêm Thành”⁽⁵⁾. Chế Chí được đem về Thăng Long và từ trần vào năm 1313 tại địa bàn huyện Gia Lâm ngày nay. Ở Chiêm Thành, vua Trần Anh Tông để em Chế Chí là Chế Năng lên nối ngôi.

Ngay sau đó, Chiêm Thành bị quân Xiêm tấn công, Đại Việt đã đem quân sang cứu, Đỗ Thiên Hứ được vua Trần Anh Tông cử đi kinh lược Nghệ An và Lâm Bình để sang cứu Chiêm Thành⁽⁶⁾.

Năm 1314, Chế Năng dấy binh lấy lại hai châu Thuận, Hóa về Chiêm Thành. Được 5 năm, đến năm 1318, quân Đại Việt dưới sự điều khiển của Huệ Võ vương Trần Quốc Chân (tức Trần Quốc Chấn, anh của Huyền Trân công chúa - TG) và tướng quân Phạm Ngũ Lão đem quân đi

đánh Chiêm Thành. Chế Năng bị thua phải chạy trốn sang nước Qua Oa (tức Trảo Oa, Chà Và -TG)⁽⁷⁾. Chế A Nan, tướng chỉ huy quân đội lên ngôi vua.

Sau khi lên ngôi, Chế A Nan liền sai người sang nước Nguyên cống sứ và yêu cầu cứu viện và được vua Nguyên chấp thuận.

Tình hình Chiêm Thành tạm yên trong khoảng thời gian từ 1318 - 1325.

Năm 1326, sau chuyến tấn công Chăm-pa không kết quả của Huệ Túc vương Đại Niên, những xung đột của hai nước đã tạm lắng trên thực tế.

Có thời gian, Chăm-pa sao nhãng việc tiến cống, liền bị vua Trần sai sứ sang hỏi tội “Tháng 2 (1346), sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm”. Tiếp thu sự trách hỏi của Đại Việt, ngay tháng 10 năm đó Chăm-pa mang lễ vật sang nhưng số lễ vật rất ít “Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất ít”⁽⁸⁾. Đây là dấu hiệu Chăm-pa chuẩn bị tấn công Đại Việt như thực tế lịch sử diễn ra trong những thập niên cuối thế kỷ XIV.

Mặc dù có dấu hiệu không mặn mà trong quan hệ với Đại Việt, nhưng khi cần cầu viện thì Chăm-pa vẫn nương nhờ Đại Việt. Chế Mỗ, con trai của vua Chế A Nan bị tể tướng Trà Hòa Bố Để đuổi đi, tự lập làm vua. Chế Mỗ liền chạy sang Đại Việt cầu cứu đem quân tiến đánh Bố Để để lập Chế Mỗ lên làm vua. Sử chép: “Tháng 3-1352, Chế Mỗ nước Chiêm Thành chạy sang nước ta, dâng voi trắng, ngựa trắng mỗi thứ một con, một con kiến lớn (dài 1 thước 9 tấc) và các cống vật, xin nước ta đem quân đánh Trà Hòa Bố Để mà lập y làm quốc vương. Trước kia khi vua Chiêm

Thành là Chế A Nan còn sống thì con là Chế Mỗ làm Bố diên (tức Đại vương); con rể là Trà Hòa Bố Đế làm Bố đề (tức Tế tướng), nói gì cũng nghe, bàn gì cũng theo, vì thế mới lập bè đảng với Chế Mỗ. Chế Mỗ có khi bị vua quở trách, Bố Đế thường cứu giải cho. Người trong nước thấy thế chia lòng, không chuyên theo về Chế Mỗ. Đến khi A Nan chết, Bố Đế đuổi Chế Mỗ đi mà tự lập làm vua. Thế mới biết kẻ làm tôi mà lập bè đảng tất có mưu khác mà Chế Mỗ không biết là mình bị sa vào thuật của họ"⁽⁹⁾.

Nhận lời giúp Chế Mỗ, Đại Việt tích cực chuẩn bị lực lượng. Ngay sau đó (tháng 3 - 1352), nhà vua xuống Chiếu ra lệnh "cho các vương hầu đóng chiến thuyền, chế khí giới, luyện tập binh sĩ"⁽¹⁰⁾. Đến tháng 6 cùng năm, đại quân cử binh đánh Chăm-pa, nhưng không thành công do đoàn quân chuyển lương bị quân Chiêm ngăn chặn phải trở về. Chỉ 3 tháng sau - vào tháng 9, Chăm-pa đem quân đến cướp châu Hóa. Quân Đại Việt đánh đuổi nhưng bị thua. Nhà Trần cử Trương Hán Siêu đem quân Thân Sách đến trấn giữ châu Hóa và ổn định được tình hình ở đó. Tình hình ổn định được một thời gian thì quân Chiêm lại liên tục tấn công Đại Việt. Lúc đầu là nhằm vào địa bàn gần biên giới như Dĩ Lý, châu Hóa. Từ đây cho đến năm 1400, khi nhà Trần sụp đổ, Chăm-pa liên tục tổ chức tấn công Đại Việt. Quan hệ giữa Đại Việt và Chăm-pa cuối thế kỷ XIV⁽¹¹⁾ thực chất là các cuộc tấn công của người Chăm-pa vào Đại Việt.

Tính từ năm 1361 đến 1391 đã có tới 15 lần quân Chiêm tấn công Đại Việt từ biên giới phía Nam. Trong đó có 3 lần tiến thẳng vào kinh đô Thăng Long và một lần đến Quảng Oai, uy hiếp Thăng Long. Vua

tôi nhà Trần đã nhiều lần xuất quân tiến đánh Chiêm Thành nhưng vẫn chưa triệt được họa xâm lăng. Và, thời gian này, quan hệ giữa hai nước thực chất là những cuộc chiến tương tàn. Đại Việt đã nhiều lần bị thua trước cuộc tấn công của quân Chiêm. Nhiều sự kiện được chép trong sử cũ chứng minh điều đó.

Tháng 3 - 1361, quân Chiêm Thành theo đường biển đến cướp ở cửa biển Dĩ Lý (Cương Mục chú là cửa Lý Hòa, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình). Nhưng bị quân nhà Trần và dân sở tại đánh tan. Ngay sau đó, nhà Trần đã cử Phạm A Song vào cai quản Lâm Bình (tức là Dĩ Lý) với chức tri phủ, nhằm tăng cường kiểm soát hơn nữa vùng cửa biển này.

Tháng 3 - 1362, người Chiêm Thành đến cướp của bắt người ở châu Hóa. cũng giống như ở Dĩ Lý, ngay sau đó (tháng 4 cùng năm) nhà Trần cử Đỗ Tử Bình đi tuyển thêm quân ở châu Hóa và tăng cường sửa chữa, tu bổ thành Hóa châu cho vững chắc⁽¹²⁾.

Chiêm Thành tiếp tục tấn công Đại Việt ở châu Hóa. "Mùa Xuân, tháng Giêng (1365), người Chiêm Thành đến bắt dân ở châu Hóa. Hằng năm cứ đến mùa Xuân tháng Giêng, con trai con gái họp nhau đánh đu ở Bà Dương. Người Chiêm khoảng tháng 12 năm trước, nấp sẵn ở nơi đầu nguồn của châu Hóa, đến khi ấy úp đến cướp bắt lấy người đem về"⁽¹³⁾.

Năm 1367, nhà Trần cử Minh tự Trần Thế Hưng làm thống quân hành khiển, Đỗ Tử Bình làm phó, đi đánh Chiêm Thành. Nhưng khi đi đến Chiêm Động thì bị người Chiêm tấn công bất ngờ, quân Đại Việt tan vỡ. Thế Hưng bị quân Chiêm bắt, Tử Bình bèn rút quân về.

Tháng 2- 1368, Chiêm Thành sai Mục Bà Ma sang đòi lại đất Hóa châu.

Nhà Minh vừa thay thế nhà Nguyên, vào năm Hồng Vũ thứ 2 (1369) triều Minh Thái Tổ, vua Chiêm là Chế Bồng Nga sai sứ sang Minh dâng lễ vật và yêu cầu Chu Nguyên Chương công nhận hợp pháp Chế Bồng Nga là vua Chiêm Thành.

Sau đó, lấy lý do mẹ của Dương Nhật Lễ đang trốn ở Chiêm xui dục quân Chiêm tấn công Đại Việt. Chế Bồng Nga dựa vào uy thế của nhà Minh kèm theo lý do xúi dục của mẹ Dương Nhật Lễ liền tổ chức cuộc tấn công qui mô vào Đại Việt. Quân Chiêm vào Thăng Long đốt trụi cung điện, đồ thư, cướp bóc con gái, đồ vật quý đem về. Vua Trần phải lánh nạn sang Đông Ngàn. Sử chép: “Tháng 3 nhuận (năm 1371), người Chiêm Thành sang cướp do cửa biển Đại An tiến thẳng đến kinh sư. Du binh của giặc đến bến Thái Tổ (nay là phường Phục Cổ). Vua đi thuyền sang sông Đông Ngàn để tránh. Ngày 27, quân giặc vào thành, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái, ngọc lụa đem về. Chiêm Thành sợ di đến cướp là vì mẹ của Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy, xúi giục sang cướp để báo thù cho Nhật Lễ. Bấy giờ thái bình đã lâu, biên thành không có phòng bị, giặc đến không có quân để chống lại. Giặc đốt cung điện đồ thư trụi cả. Trong nước từ đấy sinh ra nhiều chuyện”⁽¹⁴⁾.

Nhà Trần cũng tích cực chuẩn bị cho cuộc tấn công quân Chiêm, năm 1372 nhà Trần đã lấy Đỗ Tử Bình làm Hành khiển tham mưu quân sự và sửa soạn binh lương. Cho người châu Hóa là Hồ Long là Tri châu Hóa châu.

Ở phía Nam, đường sá, sông ngòi được xây mới và nạo vét nhằm đảm bảo cho

việc chuyển quân. Nhà nước lệnh cho các nhà giàu phải cung cấp lương thực và sẽ được trả bằng tước vị. Các địa phương phía Nam lập ra các kho dự trữ lương thực và vũ khí cung cấp cho quân đội. “Tháng 8 năm Bính Thìn (1376), xuống chiếu cho quân dân Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu tải 5 vạn斛 lương đến châu Hóa”⁽¹⁵⁾.

Năm 1376, vua Trần Duệ Tông thân chinh tiến đánh Chiêm Thành nhưng bị trúng kế của Chế Bồng Nga nên nhà vua bị chết trận, quân Đại Việt thất bại nặng nề. Thừa cơ Chế Bồng Nga kéo quân ra Thăng Long, đó là vào năm 1377.

Năm sau, 1378, Chế Bồng Nga lại tổ chức tấn công Đại Việt lần thứ ba⁽¹⁶⁾. Lúc này, có lẽ quân Chế Bồng Nga đã chiếm lại được những vùng đất trước đây đã dâng cho Đại Việt.

Năm 1380, binh của Chế Bồng Nga tấn công cướp phá bờ biển Nghệ An và Thanh Hóa. Vua Trần Nghệ Tông sai Hồ Quý Ly đem thủy binh ngăn chặn, Đỗ Tử Bình quản lãnh bộ binh và giữ Ngu Giang, huyện Hoàng Hóa (Thanh Hóa). Quân thủy của Hồ Quý Ly đánh đuổi được quân Chiêm.

Năm 1383, quân Đại Việt do Hồ Quý Ly tổ chức tấn công Chiêm Thành nhưng giữa đường gặp bão, thuyền chiến phần nhiều bị đắm nên phải quay về.

Tháng 5 năm Quý Hợi (1383), Chế Bồng Nga cùng tướng La Khải đem quân tấn công Đại Việt. Quân Chiêm tiến đến Quảng Oai. Tướng Mật Ôn được lệnh đem binh ngăn chặn nhưng bị quân Chiêm bắt sống. Thượng hoàng phải lánh sang Đông Ngàn. Tướng Nguyễn Đa Phương ở lại giữa Thăng Long. Quân Chế Bồng Nga

cuối cùng chiếm được Thăng Long và ở đó nhiều tháng⁽¹⁷⁾.

Năm 1390, quân Đại Việt do Thượng tướng Trần Khát Chân tấn công Chế Bồng Nga trên sông Hải Triều (tức sông Luộc). Nhưng trong toán quân Chiêm có tướng đã đầu hàng quân Đại Việt. Quân Đại Việt biết được thuyền của Chế Bồng Nga nên ra sức bắn súng vào. Chế Bồng Nga, người luôn thúc đẩy các cuộc tấn công Đại Việt trúng đạn chết. Quân Chiêm thấy vậy, lập tức lui quân. La Khải về đến Chiêm Thành tự xưng vương- vua Jaya Simhavaman. Hai người con trai của Chế Bồng Nga phải trốn sang Đại Việt. Đại Việt lấy lại được các vùng đất thuộc Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam.

Sau khi Chế Bồng Nga mất, quân Chiêm Thành không dám tấn công Đại Việt nữa.

Mùa Xuân, tháng 2 (1391) Hồ Quý Ly đem quân đi tuần châu Hóa, xét định quân ngũ. Sửa xây thành trì, ổn định tình hình ở châu Hóa.

Kết luận

1. Trong quan hệ với Chăm-pa, Đại Việt với tư cách là nước lớn, luôn hỗ trợ, bảo vệ khi cần thiết. Chăm-pa chịu sự thần phục và triều cống Đại Việt. Trong mối quan hệ này, chứa đựng nhiều nội dung: Vừa thần phục, cống nạp Đại Việt, vừa hòa bình, hữu hảo nhưng cũng không ít những cuộc chiến tranh.

3. Đường lối ngoại giao thường gắn liền với chế độ chính trị, xã hội và đặc biệt là uy thế của vị vua trị vì đất nước. Nội bộ lục đục, đất nước suy yếu, vua chơi bời vô độ thường là nguyên nhân dẫn đến sự

nhòm ngó của nước ngoài. Khi Đại Việt hưng thịnh, không chỉ ba lần chiến thắng oanh liệt quân xâm lược Mông - Nguyên mà nhiều nước trong khu vực thần phục. Nội dung văn bia do Nguyễn Trung Ngạn khắc bằng chữ Nôm thể hiện được uy thế của Đại Việt thời Trần trong khu vực hồi thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV: “Chương Nghĩa Văn triết Thái Thượng hoàng, là vua thứ sáu đời nhà Trần, nước Hoàng Việt, chịu mệnh trời thống nhất cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đâu cũng thần phục. Nước Ai Lao nhỏ mọn kia dám ngạnh vương hóa; cuối mùa thu năm Ất Hợi (1335) vua thân đem sáu quân đi tuần cõi Tây, Thế tử nước Chiêm Thành, nước Chân Lạp, nước Tiêm La và tù trưởng các đạo mán là Qui, Cầm, Xa, Lạc, tù trưởng rợ Bồn Man mới phụ và các bộ mán Thanh Xa đều mang phương vật đưa nhau đến đón rước. Chỉ có tên nghịch Bồng cứ giữ mê tối, sợ phải tội chưa lại châu ngay. Cuối mùa Đông, vua đóng quân ở cánh đồng Cự, thuộc châu Mật, sai các tướng và quân rợ mọi vào tận nước nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu đem quân về. Lúc bấy giờ là ngày tháng Chạp nhuận năm Ất Hợi, niên hiệu Khai Hựu thứ 7, khắc vào đá”⁽¹⁸⁾.

4. Hoạt động ngoại giao gắn liền với việc củng cố, xây dựng quốc phòng.

Đất nước suy yếu là nguy cơ xâm lược của nước ngoài. Nhìn lại lịch sử chúng ta thấy, nếu như đất nước Đại Việt trong thế kỷ XIII đến nửa đầu thế kỷ XIV khi đang trên đà thắng lợi của ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên, khi Đại Việt có các tướng lĩnh quân đội tài giỏi, có những vương hầu quý tộc danh tiếng từng xây dựng quân đội Đại Việt vững mạnh thì lúc đó chính Hốt Tất Liệt

cũng phải dặn các tướng lĩnh rằng: chớ thấy nước nhỏ mà coi thường. Nước Chiêm Thành thì một niềm cố gắng, không dám thường xuyên quấy nhiễu. Thế nhưng từ 1360 trở đi, nhất là từ năm 1371, tình hình trong nước suy yếu trên nhiều phương diện, quân Chiêm Thành thừa cơ tấn công vào tận Thăng Long nhiều lần, đốt phá, cướp bóc. Sử thần Ngô Sĩ Liên nhận xét: “Không có nước đối địch làm mối lo ở ngoài thì nước thường mất, xưa nay vẫn răn về điều ấy. Chiêm Thành với nước ta là thế thù, triều Trần há chẳng biết thế mà phòng bị ư? Chỉ vì lòng người yên rồi sinh càn, pháp độ xếp bỏ, năm tháng đã lâu, việc giữ gìn bờ cõi mất đi cho nên thế. Giặc vào cõi mà biên thành không giữ được, giặc đến kinh mà cấm binh không chống lại, còn gọi là nước thế nào được! Dụ Tôn chỉ quen vui chơi, cố nhiên không đáng kể, còn Nghệ Tôn đã trải qua biến cố mà không nghĩ đến việc ấy, há chẳng phải là chỉ tập văn nghệ mà không trông nom gì đến vũ lược ư?”⁽¹⁹⁾.

5. Hoạt động ngoại giao thời Trần thể hiện nhiều nội dung phong phú. Các vua Trần không chỉ thể hiện mục đích ngoại giao qua các thư từ mà còn bằng những cuộc hôn nhân. Ví dụ dâng công chúa cho Toa Đô để hòa hoãn cuộc chiến hoặc gả công chúa cho vua Chiêm Thành để mở đất v.v. Có thể thấy, tư tưởng ngoại giao của các vua Trần rất năng động, sáng tạo và hiệu quả./.

CHÚ THÍCH

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971. Xem thêm: Nguyễn Thị Phương Chi- Nguyễn Tiến
- Dũng: *Về các mối giao thương của quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (Thế kỷ XI-XV)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7-2007, tr.23-37.
2. *Nguyên sử, An Nam truyện*, dẫn theo Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, In lần thứ hai, sđd, tr.301.
3. *Nguyên sử, An Nam truyện*, dẫn theo Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn: *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, In lần thứ hai, sđd, tr.301.
4. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.100.
5. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.110.
6. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.113.
7. Phù Lang Trương Bá Quát: *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Tạp san Sử - Địa, số 19-20, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1970, tr.80. Việc này không thấy ghi chép trong *ĐVSKTT* nhưng có nhắc lại việc Chế Năng bị thua phải chạy sang nước Trảo Oa vào năm 1326, trong lần cử Huệ Võ vương Đại Niên đi đánh Chiêm Thành.
8. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.151.
9. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.154.
10. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.154.
11. Mối quan hệ Đại Việt - Chăm-pa cuối thế kỷ XIV có thể tạm tính từ 1360 đến 1400.
12. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.164-165.
13. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.166-167.
14. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.179.
15. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.186.
16. Xem thêm: Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, tập I, tr.153.
17. Xem thêm Phù Lang Trương Bá Quát: *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Tạp san Sử - Địa, số 19-20, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1970, tr.86-87.
18. Dẫn lại Phù Lang Trương Bá Quát: *Lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Tạp san Sử - Địa, số 19-20, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, 1970, tr.81.
19. *ĐVSKTT*, tập II, sđd, tr.179.